

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - THAN KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THAN - VINACOMIN
(COALIMEX)

HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Gói Cung cấp: 31/VCCM/2026: Vận chuyên than bằng đường bộ từ Huế đến Đà Nẵng

Ngày phát hành: 27/05/2026

Bên mời thầu

Giám đốc



Phạm Minh

Định nghĩa/Viết tắt

Công ty: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

HSYC: Hồ sơ Yêu cầu

HSDX: Hồ sơ Đề xuất

NCC: Nhà Cung cấp

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

1. Phạm vi Gói Cung cấp

1.1. Phạm vi cung cấp:

a) Nội dung công việc: Vận chuyển than bằng đường bộ từ kho than Chân Mây của Công ty tại cảng Chân Mây, thành phố Huế đến kho than của nhà máy nhiệt điện Nông Sơn, thành phố Đà Nẵng.

b) Hàng hoá vận chuyển: Than cám 5b.3 TCVN 8910:2020 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV). Hàng chở rời.

Hàng được vận chuyển bằng đường thủy từ cảng Điện Công, Quảng Ninh đến cảng Chân Mây, Huế, trung chuyển qua kho than Chân Mây của Công ty tại cảng Chân Mây, Huế.

c) Khối lượng than vận chuyển: 4.000 tấn +/- 10% (lựa chọn của Công ty). Hàng được vận chuyển thành nhiều chuyến.

d) Tuyến vận chuyển:

- Địa điểm xếp hàng: Kho than Chân Mây tại cảng Chân Mây, TP. Huế.

- Địa điểm dỡ hàng: Kho than của nhà máy nhiệt điện Nông Sơn, xã Nông Sơn, TP. Đà Nẵng (trước đây thuộc huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam).

1.2. Nguồn vốn để thực hiện gói cung cấp: Các nguồn vốn hợp pháp của Công ty (vốn tự có và/hoặc vốn vay thương mại).

1.3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

1.4. Thời gian thực hiện gói cung cấp: Dự kiến từ tháng 6/2026 đến hết tháng 7/2026.

1.5. Yêu cầu kỹ thuật:

a) Phương tiện vận chuyển: Xe ô tô tải tự đổ (sau đây gọi tắt là xe). Trọng tải xe tùy thuộc vào trọng tải cho phép trên tuyến đường vận chuyển theo quy định của pháp luật.

- Xe phải có đủ điều kiện vận chuyển than theo quy định của pháp luật, phải được che chắn, không để rơi vãi gây ô nhiễm môi trường trong quá trình vận chuyển, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Xe phải có đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn giấy đăng ký xe, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, và các giấy tờ khác theo quy định của Nhà nước. Các giấy tờ, hồ sơ pháp lý này phải còn hiệu lực đến ngày hoàn thành việc dỡ hàng tại địa điểm dỡ hàng.

- Xe phải được lắp đặt các thiết bị GPS và camera hành trình, được kết nối internet, có thể hoạt động bình thường và truyền dữ liệu liên tục 24/24 giờ kể cả trong điều kiện thời tiết mưa, bão, ban đêm... trong suốt quá trình xếp, dỡ và vận chuyển than.

Camera phải soi chiếu rõ ràng, có khả năng lưu trữ dữ liệu liên tục tối thiểu 30 ngày (kể từ thời điểm lưu dữ liệu).

Khi cần thiết, NCC cung cấp quyền truy cập camera/GPS cho Công ty để kiểm tra và giám sát.

Trường hợp thiết bị GPS, camera bị hỏng/ngừng hoạt động trong khoảng thời gian từ lúc bắt đầu xếp hàng đến lúc dỡ hàng xong hoặc không bảo đảm điều kiện để Công ty kiểm tra và giám sát, thì NCC phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để xảy ra mất mát, hư hỏng hoặc thay đổi các thông số chất lượng, khối lượng than.

Công ty sẽ thực hiện kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị GPS, camera trước khi bắt đầu xếp hàng lên xe, và chỉ tổ chức xếp hàng cho các xe có thiết bị GPS, camera đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu trên.

- NCC phải, bằng chi phí của mình, tự nghiên cứu, thu thập, khảo sát (bao gồm cả khảo sát hiện trường, thực địa nếu thấy cần thiết) các thông tin cần thiết về các thông số kỹ thuật, điều kiện, yêu cầu, giới hạn tại địa điểm xếp hàng, địa điểm dỡ hàng cũng như trên toàn bộ cung đường vận chuyển để bố trí xe vận chuyển phù hợp, bảo đảm thực hiện phạm vi cung cấp của gói cung cấp. Công ty không chịu trách nhiệm về những rủi ro đối với NCC phát sinh từ việc khảo sát hiện trường, thực địa như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác. NCC chịu hoàn toàn trách nhiệm bồi thường cho Công ty toàn bộ tổn thất xảy ra đối với hàng hóa trên xe và/hoặc các chi phí phát sinh do hậu quả của việc bố trí xe không phù hợp.

b) Xác định khối lượng hàng hóa: Khối lượng than xếp lên xe tại địa điểm xếp hàng và dỡ khỏi xe tại địa điểm dỡ hàng sẽ được xác định bằng cân ô tô (sau đây gọi tắt là cân), và được thực hiện bởi (i) tại địa điểm xếp hàng, Công ty; và (ii) tại địa điểm dỡ hàng, nhà máy nhận than.

Khối lượng than giao nhận của lô hàng là (i) tại địa điểm xếp hàng, tổng khối lượng than xếp lên các xe tại địa điểm xếp hàng, căn cứ tất cả biên bản/phiếu cân hàng tại địa điểm xếp hàng; và (ii) tại địa điểm dỡ hàng, tổng khối lượng than dỡ khỏi các xe đó tại địa điểm dỡ hàng, căn cứ tất cả biên bản/phiếu cân hàng tại địa điểm dỡ hàng.

c) Xác định chất lượng hàng hóa: Chất lượng than (ngoại trừ độ ẩm của than) tại địa điểm xếp hàng là chất lượng trên chứng thư do Công ty Cổ phần Giám định - Vinacomin (Quacontrol) cấp cho chuyến hàng được xếp lên tàu vận chuyển đường thủy tại cảng Điện Công, tỉnh Quảng Ninh để vận chuyển vào cảng

Chân Mây, Huế. Độ ẩm của than tại địa điểm xếp hàng được giám định và cấp chứng thư bởi Quacontrol hoặc một đơn vị giám định độc lập do Công ty chỉ định.

Tại địa điểm dỡ hàng, độ ẩm của than được giám định lại và cấp chứng thư bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol Đà Nẵng (Vinacontrol Đà Nẵng).

Sau khi than đã được xếp lên xe tại địa điểm xếp hàng và được cấp đầy đủ chứng thư giám định theo quy định, Công ty bàn giao chuyển xe này cho NCC để vận chuyển đến địa điểm dỡ hàng. NCC phải cam kết bảo đảm chất lượng hàng hóa cho đến khi kết thúc dỡ hàng tại địa điểm dỡ hàng. Trường hợp hàng hoá bị giảm phẩm cấp, giảm chất lượng thì NCC phải bồi thường cho Công ty toàn bộ giá trị chênh lệch giá than do giảm phẩm cấp, giảm chất lượng, theo mức giá than mà Công ty mua của người bán tại thời điểm xảy ra tổn thất, và toàn bộ các chi phí, thiệt hại phát sinh.

d) Hao hụt vận chuyển:

(i) Tỷ lệ hao hụt vận chuyển cho phép (tỷ lệ hao hụt vận chuyển mức trần): 0,093%.

Đây là tỷ lệ hao hụt khối lượng tối đa trong việc vận chuyển của cả lô hàng mà NCC không phải bồi thường cho Công ty.

Căn cứ để tính khối lượng hao hụt của lô hàng là khối lượng than giao nhận của lô hàng tại địa điểm xếp hàng và tại địa điểm dỡ hàng.

Đối với các trường hợp khác, nếu phát sinh, tỷ lệ hao hụt cho phép sẽ được áp dụng theo các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) có hiệu lực tại thời điểm phát sinh sự việc.

Tỷ lệ hao hụt vận chuyển cho phép nêu trên có thể được điều chỉnh căn cứ các văn bản của TKV ban hành quy định về tỷ lệ chênh lệch hao hụt trong các công đoạn sản xuất, tiêu thụ than của TKV tại từng thời điểm trong thời gian hiệu lực của hợp đồng.

(ii) Xác định khối lượng hao hụt: Khối lượng hao hụt bằng khối lượng than giao nhận của lô hàng tại địa điểm xếp hàng quy về độ ẩm 8,5%, trừ (-) đi khối lượng than giao nhận của lô hàng tại địa điểm dỡ hàng quy về độ ẩm 8,5%. Cách tính và công thức quy đổi như sau:

- Quy đổi khối lượng than giao nhận của lô hàng tại địa điểm xếp hàng và địa điểm dỡ hàng về độ ẩm 8,5%:

Công thức quy đổi:

$$K_{qđcr/cđ} = K_{cr/cđ} \times \frac{100 - W_{gncr/cđ}^{tp}}{100 - 8,5} \quad (tấn)$$

Trong đó:

+ $K_{qđcr/cđ}$: Khối lượng than giao nhận của lô hàng tại địa điểm xếp hàng hoặc địa điểm dỡ hàng sau quy đổi.

+ $K_{cr/cđ}$: Khối lượng than giao nhận của lô hàng tại địa điểm xếp hàng hoặc địa điểm dỡ hàng.

+ $W_{gncr/cđ}^{tp}$: Giá trị (không bao gồm đơn vị đo) của Độ ẩm thực tế của than tại địa điểm xếp hàng hoặc địa điểm dỡ hàng, căn cứ chứng thư giám định chất lượng/độ ẩm, tùy theo trường hợp nào được áp dụng, tại địa điểm tương ứng.

Khối lượng than giao nhận của lô hàng tại địa điểm xếp hàng hoặc địa điểm dỡ hàng sau quy đổi được làm tròn số đến hai chữ số thập phân.

- Tính khối lượng hao hụt thực tế (K_{hhtt}):

$$K_{hhtt} = K_{qđcr} - K_{qđcd} \text{ (tấn)}$$

Trong đó: $K_{qđcr}$ là khối lượng than giao nhận của lô hàng tại địa điểm xếp hàng quy về độ ẩm 8,5%, $K_{qđcd}$ là khối lượng than giao nhận của lô hàng tại địa điểm dỡ hàng quy về độ ẩm 8,5%.

(iii) Tỷ lệ hao hụt thực tế:

$$T_{hhtt} = \frac{K_{hhtt}}{K_{qđcr}} \times 100 \text{ (\%)}$$

Tỷ lệ hao hụt thực tế được làm tròn số đến ba chữ số thập phân.

(iv) Xác định khối lượng hao hụt vượt quá tỷ lệ hao hụt mức trần ($K_{vượt}$):

- Trường hợp $T_{hhtt} \leq T_{hhtrần}$: $K_{vượt} = 0$ (tấn)

- Trường hợp $T_{hhtt} > T_{hhtrần}$: $K_{vượt} = (T_{hhtt} - T_{hhtrần}) \times K_{qđcr}$ (tấn)

Trong đó: $T_{hhtrần}$ là tỷ lệ hao hụt mức trần quy định tại điểm d này.

Khối lượng hao hụt vượt quá tỷ lệ hao hụt mức trần được làm tròn số đến hai chữ số thập phân.

(v) Trường hợp khối lượng hàng hoá bị hao hụt vượt quá mức trần quy định tại Điểm d này thì Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư toàn bộ giá trị khối lượng than hao hụt vượt quá tỷ lệ cho phép theo giá than mua đầu nguồn cộng các chi phí phát sinh liên quan.

đ) Thanh toán:

- Khối lượng tính cước vận chuyển: Là tổng khối lượng than thực tế xếp lên các xe theo biên bản/phiếu cân hàng tại địa điểm xếp hàng trừ (-) đi khối lượng hao hụt vượt quá khối lượng tương ứng với tỷ lệ hao hụt mức trần quy định tại Điểm d nói trên (nếu có).

Công thức xác định khối lượng tính cước (K_{tc}): $K_{tc} = K_{cr} - K_{vượt}$

- Hình thức thanh toán: Chuyên khoản.
- Thời hạn thanh toán: Sau khi Công ty nhận được tiền thanh toán cho lô hàng từ TKV.

e) Bồi thường: Ngoài các nội dung về bồi thường đã được quy định tại điểm a, điểm c và điểm d nói trên, NCC phải bồi thường cho Công ty toàn bộ giá trị hàng hóa bị tổn thất do sai sót của người lái xe trong quá trình điều khiển, vận hành xe, lỗi kỹ thuật của xe, NCC vi phạm Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, và các nguyên nhân khác do lỗi chủ quan của NCC.

2. Tư cách hợp lệ của NCC

2.1. NCC là tổ chức có tư cách hợp lệ nếu:

a) Được đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của nước mà NCC đang hoạt động cấp;

b) Hạch toán tài chính độc lập;

c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;

d) Không có tên trong danh sách Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình Công ty lựa chọn Nhà cung cấp;

đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại Điều 6 Luật Đấu thầu.

2.2. NCC là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ nếu:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người/Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2.3. NCC là cá nhân có tư cách hợp lệ nếu:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;

b) Có trình độ hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;

c) Không có tên trong danh sách Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình Công ty lựa chọn Nhà cung cấp;

d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Làm rõ, sửa đổi HSYC

3.1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, NCC phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Công ty không muộn hơn ngày 28 tháng 5 năm 2026. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của NCC, Công ty sẽ có văn bản trả lời gửi cho NCC có yêu cầu làm rõ và đăng tải trên website của Công ty. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC, Công ty sẽ tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Mục 3.2 dưới đây.

3.2. Sửa đổi HSYC

HSYC có thể được sửa đổi theo quyết định duy nhất của Công ty. Công ty sẽ đăng tải thông báo sửa đổi HSYC trên website của Công ty không muộn hơn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Trong trường hợp sửa đổi HSYC, Công ty có thể quyết định gia hạn thời điểm đóng thầu.

4. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

4.1. NCC phải chịu mọi chi phí liên quan tới quá trình tham dự chào hàng.

4.2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

4.3. HSDX và tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa Công ty và NCC phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt.

5. Thành phần của HSDX:

HSDX bao gồm:

a) Thư Chào hàng theo mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu chào hàng;

b) Bảng tổng hợp giá chào theo mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu chào hàng;

c) Thỏa thuận liên doanh theo mẫu quy định tại Chương III – Biểu mẫu chào hàng, trong trường hợp có liên danh giữa các NCC;

d) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của NCC;

đ) Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa/dịch vụ theo yêu cầu của HSYC;

e) Các tài liệu khác theo yêu cầu của Gói cung cấp.

6. Giá chào và giảm giá

6.1. Giá chào trong Thư Chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện Gói Cung cấp (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

6.2. Phạm vi công việc mà NCC đề xuất thực hiện phải bao gồm toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 trên đây.

6.3. Trường hợp NCC có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào Thư Chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, NCC phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả các hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo Công ty nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá sẽ được Công ty giữ như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX và NCC.

6.4. Giá chào của NCC phải bao gồm tất cả các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Các HSDX có giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí sẽ được coi là không hợp lệ và sẽ bị loại.

7. Thời gian có hiệu lực của HSDX

7.1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. HSDX có thời hạn hiệu lực ngắn hơn thời hạn nêu trên sẽ được coi là không hợp lệ và không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

7.2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Công ty có thể đề nghị các NCC gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu NCC không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của NCC này không được xem xét tiếp. NCC chấp nhận đề nghị gia hạn không được thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

8. Quy cách HSDX

8.1. NCC phải chuẩn bị một (01) bản gốc HSDX.

8.2. Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của NCC phải được niêm phong và ghi rõ tên Gói Cung cấp, tên NCC, tên Công ty. Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của NCC.

8.3. Tất cả các tài liệu của HSDX phải được ký bởi người đại diện theo pháp luật của NCC, hoặc người được người đại diện theo pháp luật của NCC ủy quyền và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ.

8.4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc

tại trang đó của người ký Thư Chào hàng.

9. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

9.1. NCC nộp HSDX trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện tới địa chỉ:

Phòng Kế hoạch điều hành sản xuất

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

47, Quang Trung, phường Cửa Nam, Hà Nội

không muộn hơn **10 giờ 00 phút ngày 03 tháng 6 năm 2026** (thời điểm đóng thầu).

Các HSDX mà Công ty nhận được sau khi hết thời hạn nêu trên sẽ không được xem xét.

Trường hợp HSDX được gửi qua đường bưu điện, Công ty không chịu trách nhiệm về thời điểm nhận được HSDX hoặc việc không nhận được HSDX.

9.2. Công ty sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả NCC nộp HSDX trước thời điểm đóng thầu.

9.3. NCC có thể rút lại, thay thế hoặc sửa đổi HSDX trước thời điểm đóng thầu.

10. Mở HSDX

10.1. Công ty mở công khai HSDX của các NCC vào lúc **10 giờ 15 phút ngày 03 tháng 6 năm 2026** tại trụ sở Công ty, địa chỉ: 47, Quang Trung, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội. NCC có quyền tham dự buổi mở HSDX. Tuy nhiên ngay cả khi NCC không có mặt tại buổi mở HSDX, việc mở HSDX vẫn được tiến hành.

10.2. Các HSDX sẽ được mở lần lượt theo thứ tự chữ cái tên của NCC theo thứ tự trong bảng chữ cái tiếng Việt và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDX và đọc rõ thông tin sau: tên NCC, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong Thư Chào hàng và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà Công ty thấy cần thiết;

c) Đại diện của Công ty ký xác nhận vào bản gốc thư chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có).

10.3. Công ty sẽ lập biên bản mở HSDX trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 10.2 trên đây. Biên bản mở HSDX sẽ được gửi cho tất cả các NCC nộp HSDX.

11. Làm rõ HSDX

11.1. Sau khi mở thầu, NCC có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của

Công ty.

11.2. NCC có thể gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến Công ty trước ngày tháng năm 2026. Công ty có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của NCC để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX.

11.3. Việc làm rõ HSDX sẽ không làm thay đổi bản chất của NCC, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

12. Giao lại công việc

Nếu NCC có ý định giao lại một phần Gói Cung cấp cho nhà thầu phụ thực hiện, việc này phải được ghi rõ trong HSDX cùng với thông tin chi tiết về nhà thầu phụ. Công ty có toàn quyền quyết định cho phép hoặc không cho phép giao lại công việc cho nhà thầu phụ. Ngay cả trong trường hợp Công ty cho phép, NCC vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện công việc của nhà thầu phụ và tổng phần việc giao cho nhà thầu phụ không được vượt quá 10% tổng giá trị được NCC chào cho Gói Cung cấp.

13. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

13.1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. NCC có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời thương thảo hợp đồng (nếu cần).

13.2. Trong trường hợp có thương thảo hợp đồng, các bên sẽ thương thảo hợp đồng trên cơ sở HSDX (bao gồm các tài liệu làm rõ HSDX, nếu có), HSYC và các tài liệu liên quan khác.

13.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa thống nhất giữa HSYC và HSDX, về các nội dung chưa đủ rõ ràng hoặc mâu thuẫn với nội dung khác trong HSDX;

b) Thương thảo về các sai lệch do NCC phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn NCC (nếu có) nhằm hoàn thiện các nội dung chi tiết của Gói Cung cấp; và

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

13.4. Trên cơ sở kết quả thương thảo, các bên sẽ hoàn thiện dự thảo hợp đồng. Nếu các bên không đạt được thỏa thuận, Công ty sẽ mời NCC tiếp theo thương thảo hợp đồng.

14. Điều kiện trúng thầu

NCC được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau

đây:

- a) Có HSDX hợp lệ;
- b) Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
- c) Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
- d) Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
- đ) Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất; và
- e) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt dự toán Gói Cung cấp được phê duyệt.

15. Thông báo kết quả lựa chọn NCC

Kết quả lựa chọn NCC sẽ được đăng tải trên website của Công ty, địa chỉ <http://coalimex.vn>.

16. Điều kiện ký kết hợp đồng

Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của NCC được lựa chọn phải còn hiệu lực và NCC được lựa chọn phải vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện Gói Cung cấp.

17. Thay đổi khối lượng hàng hóa/khối lượng công việc

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, Công ty có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ không quá 10% so với khối lượng công việc ban đầu. Đơn giá và các điều khoản khác của HSYC và HSDX sẽ không thay đổi.

18. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

18.1. NCC được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước hoặc cùng thời điểm hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Mục 18.3 dưới đây.

18.2. NCC không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

18.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp cho Công ty trong vòng 20 ngày kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp được thông báo. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một hoặc các hình thức sau:

a) Đặt cọc bằng Séc bảo chi hoặc nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Công ty đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị dưới 50 triệu đồng và thời gian có hiệu lực của Séc bảo chi phù hợp với thời gian thực hiện gói thầu;

b) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Chương III hoặc một mẫu khác được Công ty chấp thuận.

18.4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực như sau:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% giá hợp đồng.

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2026.

18.5. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 30 ngày sau khi NCC hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.

19. Giải quyết kiến nghị của NCC

19.1 NCC có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn NCC và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

19.2. Địa chỉ nhận thư kiến nghị:

Trần Tuấn Ngọc

Trưởng Phòng

Phòng Kế hoạch điều hành sản xuất

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin

Số 47, Quang Trung, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX: Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu tại Mục 5 Chương I – Chỉ dẫn NCC.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX:

HSDX của NCC được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDX;

b) Thư Chào hàng được đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với NCC liên danh, Thư Chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký Thư Chào hàng theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng ghi trong Thư Chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;

d) Giá chào ghi trong Thư Chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ. Không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Công ty;

đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 7 Chương I - Chỉ dẫn NCC;

e) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là NCC chính (NCC độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

g) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) hợp lệ; được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này;

h) NCC có tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 Chương I - Chỉ dẫn NCC.

NCC có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp ở bước tiếp theo.

2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
1	Phương tiện vận chuyển	NCC cam kết phương tiện vận chuyển đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại Điểm a Mục 1.5.	NCC không cam kết phương tiện vận chuyển đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định tại Điểm a Mục 1.5.
2	Hao hụt	NCC cam kết chấp nhận tỷ lệ hao hụt tối đa cho phép quy định tại Điểm d Mục 1.5, hoặc đề xuất tỷ lệ hao hụt tối đa cho phép thấp hơn mức quy định tại Điểm d Mục 1.5.	NCC không cam kết chấp nhận tỷ lệ hao hụt tối đa cho phép quy định tại Điểm d Mục 1.5, hoặc đề xuất tỷ lệ hao hụt tối đa cho phép cao hơn mức quy định tại Điểm d Mục 1.5.
4	Bồi thường	NCC cam kết bồi thường khi xảy ra trường hợp hàng hoá bị (i) giảm phẩm cấp, giảm chất lượng như yêu cầu quy định tại Điểm c Mục 1.5; và/hoặc (ii) hao hụt vượt quá mức trần như yêu cầu quy định tại Điểm d Mục 1.5; và/hoặc (iii) tổn thất và/hoặc làm phát sinh chi phí theo quy định tại điểm e Mục 1.5.	NCC không cam kết bồi thường khi xảy ra trường hợp hàng hoá bị (i) giảm phẩm cấp, giảm chất lượng như yêu cầu quy định tại Điểm c Mục 1.5; và/hoặc (ii) hao hụt vượt quá mức trần như yêu cầu quy định tại Điểm d Mục 1.5; và/hoặc (iii) tổn thất và/hoặc làm phát sinh chi phí theo quy định tại điểm e Mục 1.5.

Ghi chú:

Việc NCC không đề cập đến một hoặc một số nội dung trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật trên đây trong HSĐX được coi là NCC không cam kết, không chấp nhận theo yêu cầu của HSYC đối với (những) nội dung đấy.

NCC được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được chuyển sang đánh giá về giá.

3. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi, được thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch, được thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng NCC. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDX đáp ứng căn bản HSYC, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” NCC không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là NCC đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói cung cấp, NCC phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và không được Công ty thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Công

ty cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá NCC chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của NCC có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của NCC có sai lệch không có đơn giá thì lấy đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của NCC khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các NCC vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của Gói Cung cấp làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một NCC duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của NCC này; trường hợp HSDX của NCC không có đơn giá tương ứng thì lấy đơn giá trong dự toán của Gói Cung cấp được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp NCC chào thiếu thuế, phí, lệ phí phải nộp theo yêu cầu nêu trong hồ sơ yêu cầu thì Công ty phải cộng các chi phí đó vào giá chào. Phần chi phí này không được tính vào sai lệch thiếu theo quy định tại điểm d Mục 14 Chương I “Chỉ dẫn nhà cung cấp”.

c) Trường hợp NCC có thu giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong Thư Chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU CHÀO HÀNG

Mẫu số 01

THƯ CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*ghi ngày tháng năm ký thư chào hàng*]
Tên gói cung cấp: ____ [*ghi tên gói cung cấp theo hồ sơ yêu cầu*]
Hồ sơ yêu cầu số: ____ [*ghi số trích yếu của hồ sơ yêu cầu, nếu có*] ngày
____ [*ghi ngày phát hành hồ sơ yêu cầu*]

Kính gửi: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*ghi tên nhà cung cấp*], cam kết thực hiện gói cung cấp ____ [*ghi tên gói cung cấp*] theo đúng yêu cầu nêu trong Hồ sơ yêu cầu với giá chào (tổng số tiền) là ____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền chào giá*]⁽²⁾ cùng với Bảng tổng hợp giá chào kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu*].

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với NCC là hộ kinh doanh);
2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;
3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;
5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp NCC là hộ kinh doanh);
6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;
7. Những thông tin kê khai trong Thư chào hàng là trung thực;

8. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

Thư chào hàng này có hiệu lực trong thời gian __⁽³⁾ ngày, kể từ ngày __ tháng __ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁵⁾

(ghi đầy đủ họ tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Thư chào hàng phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của thư chào hàng, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu.

(2) Giá chào ghi trong thư chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào ghi trong bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên yêu cầu Thư chào hàng báo giá.

(3) Ghi số ngày có hiệu lực theo quy định tại Mục 5 Yêu cầu báo giá. Thời gian có hiệu lực của thư chào hàng được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong hồ sơ yêu cầu. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm đóng thầu được tính là 1 ngày.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 9.1 Hồ sơ yêu cầu.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của NCC ủy quyền cho cấp dưới ký Thư chào hàng và Bảng tổng hợp giá chào kèm theo thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 đính kèm; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký hồ sơ dự thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực/công chứng các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền).

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*], bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói cung cấp ____ [*Ghi tên gói cung cấp*] do ____ [*Ghi tên Chủ đầu tư*] tổ chức:

- [- Ký thư chào hàng và bảng tổng hợp giá chào kèm theo;*
- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);*
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX hoặc văn bản đề nghị rút HSDX, sửa đổi, thay thế HSDX;*
- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;*
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;*
- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*]. ____ [*Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, Chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Chủ đầu tư cùng với Thư chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn

phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng, và phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

____, ngày __ tháng __ năm 2026

Gói cung cấp: ____ [*Ghi tên gói cung cấp*]

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói cung cấp ____ [*Ghi tên gói cung cấp*] ngày __ tháng __ năm ____ [*Ngày được ghi trên HSYC*].

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày __ tháng __ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói cung cấp ____ [*Ghi tên gói cung cấp*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói cung cấp này là: ____ [*Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà cung cấp khác để tham gia gói cung cấp này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác ____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói cung cấp ____ [Ghi tên gói cung cấp] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

[- Ký thư chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX hoặc văn bản đề nghị rút HSDX, sửa đổi, thay thế HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- __% - __%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- __% - __%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trùng thầu;
- Hủy thầu gói cung cấp ____ [*Ghi tên gói cung cấp*] theo thông báo của Chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập thành __ bản, mỗi bên giữ __ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói cung cấp, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà cung cấp phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

TT	Nội dung công việc	Khối lượng mời chào hàng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Vận chuyển than bằng đường bộ từ cảng Chân Mây, Huế đến NMNĐ Nông Sơn, Đà Nẵng	4.000	Tấn		A
Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh					B=10%xA
Tổng hợp giá chào (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) <i>(kết chuyển sang thư chào hàng)</i>					A+B

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(ghi đầy đủ họ tên, chức danh, chữ ký và đóng dấu)

Ghi chú:

Cột (5): NCC điền đơn giá. Đơn giá NCC chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, NCC phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

Cột (6): Thành tiền = Đơn giá (cột 5) x Khối lượng mời chào hàng (cột 3). NCC tính và điền thông tin.

Chi phí dự phòng (B) sẽ không được xem xét, đánh giá để so sánh, xếp hạng NCC.

Giá trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm chi phí dự phòng (B).

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

____, ngày __ tháng __ năm ____

Kính gửi: ____ [ghi tên Chủ đầu tư] (sau đây gọi là “Chủ đầu tư”)

Theo đề nghị của ____ [ghi tên nhà cung cấp] (sau đây gọi là “NCC”) là nhà cung cấp đã trúng thầu gói cung cấp ____ [ghi tên gói cung cấp] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói cung cấp trên (sau đây gọi là “Hợp đồng”)⁽¹⁾;

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), NCC phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, ____ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại ____ [ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của NCC với số tiền là ____ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại HSYC]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn ____ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo NCC vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày __ tháng __ năm ____⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Chủ đầu tư xem xét, sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của ____ [ghi tên nhà cung cấp] (sau đây gọi là “NCC”) là nhà cung cấp trúng thầu gói cung cấp ____ [ghi tên gói cung cấp] đã ký hợp đồng số ____ [ghi số hợp đồng] ngày __ tháng __ năm ____ (sau đây gọi là “Hợp đồng”).”

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại HSYC.